

ĐỀ 1**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng g % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích).	4	0	4	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại một chuyến đi và trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			20	5	20	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			25%		35%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6**

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao

1	Đọc hiểu	Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích)..	Nhận biết: - Nhận biết được thể loại, những dấu hiệu đặc trưng của thể loại truyện cổ tích; chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật. (1) - Nhận biết được người kể chuyện và ngôi kể. (2) Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. (3) - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu (4) - Hiểu được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ. (5) - Hiểu và nhận biết được chủ đề của văn bản. (6) - Hiểu được nghĩa của thành ngữ. (7) Vận dụng: - Lý giải và rút ra được bài học từ văn bản. (8) - Nhận xét, đánh giá được ý nghĩa, giá trị tư tưởng hoặc đặc sắc về nghệ thuật của văn bản. (9)	4 TN	4 TN	2 TL	
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.	1TL*	1TL*	1TL*	1TL*
Tổng				4 TN	4 TN	2 TL	1 TL

Tỉ lệ %		25	35	30	10
Tỉ lệ chung		60		40	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

ÔNG LÃO ĐÁNH CÁ VÀ CON CÁ VÀNG

[...] Được ít tuần, mẹ vợ lại nổi cơn thịnh nộ. Mẹ sai người đi bắt ông lão đến. Mẹ bảo:

- May hãy đi tìm con cá, bảo nó tao không muốn làm nữ hoàng, tao muốn làm Long Vương ngự trên mặt biển, để con cá vàng hầu hạ tao và làm theo ý muốn của tao.

Ông lão không dám trái lời mẹ. Ông lại đi ra biển. Một cơn dông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi đến hỏi:

- Ông lão có việc gì thế? Ông lão cần gì?

Ông lão chào con cá và nói:

- Cá ơi, cứu tôi với! Thương tôi với! Tôi làm sao được với mẹ vợ quái ác này! Bây giờ mẹ ấy không muốn làm nữ hoàng nữa, mẹ muốn làm Long Vương ngự trên mặt biển, để bắt cá vàng phải hầu hạ mẹ và làm theo ý muốn của mẹ.

Con cá vàng không nói gì, quẫy đuôi lặn sâu dưới đáy biển. Ông lão đứng trên bờ đợi mãi không thấy nó lên trả lời, mới trở về. Đến nơi, ông sừng sốt, lâu đài, cung điện biến đâu mất; trước mắt ông lão lại thấy túp lều nát ngày xưa, và trên bậc cửa, mẹ vợ đang ngồi trước cái máng lợn sứt mẻ.

(Theo A. Pu-skin , Ngữ văn 6 tập ,2 trang 11 - Sách Cảnh điều, NXBGD 2020)

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Truyện Ông lão đánh cá và con cá vàng thuộc thể loại nào? (1)

A. Truyện cổ tích

B. Truyện đồng thoại

C. Truyện thuyết

D. Thần thoại

Câu 2. Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy? (2)

A. Ngồi thứ nhất

B. Ngồi thứ ba

C. Ngồi thứ hai

D. Cả ngồi thứ nhất và ngồi thứ ba

Câu 3. Trong câu chuyện, mẹ vợ đã ra biển gặp cá vàng, đưa ra những yêu cầu, theo em đúng hay sai? (1)

A. Đúng

B. Sai

Câu 4. Trong truyện *Ông lão đánh cá và con cá vàng* có những nhân vật nào? (1)

A. Ông lão đánh cá và con cá vàng.

B. Ông lão đánh cá và vợ ông.

C. Ông lão đánh cá, vợ ông lão và con cá vàng.

D. Vợ ông lão và con cá vàng.

Câu 5. Vì sao lần cuối khi mẹ vợ đòi làm Long Vương, cá vàng không còn đền ơn nữa? (4)

A. Vì cá vàng không có khả năng làm điều đó

B. Vì cá vàng đã quá mệt mỏi, chán nản

C. Vì cá vàng không thỏa mãn ý muốn của kẻ tham

D. Vì cá vàng thương ông lão phải đi lại nhiều lần

Câu 6. Trong câu văn “*Một cơn dông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm.*”, từ láy “ầm ầm” có tác dụng gì trong truyện? (7)

A. diễn tả thời tiết bất lợi khi ông lão ra biển gặp cá vàng

B. góp phần miêu tả sóng biển mạnh dữ dội

C. góp phần miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên

D. thể hiện sự phẫn nộ của biển cả trước yêu cầu của mẹ vợ

Câu 7. Thành ngữ nào sau đây nói đúng hoàn cảnh của bà lão khi cá vàng biến mọi thứ trở lại như cũ?(7)

A. Tham thì thâm.

B. Ăn cây nào rào cây ấy.

C. Ăn cháo đá bát.

D. Nhất vợ nhì trời.

Câu 8. Chủ đề mà truyện *Ông lão đánh cá và con cá vàng* gửi gắm đến chúng ta là gì?(6)

A. Sống phải biết ơn, không nên có tính tham lam, bội bạc.

B. Phải biết thương yêu và quý trọng người thân trong gia đình,

C. Không nên đòi hỏi những gì vượt quá khả năng đáp ứng của thực tế.

D. Phải biết quý trọng những giá trị của cuộc sống.

Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Theo em, kết cục câu chuyện như vậy đã thỏa đáng hay chưa? Vì sao? (8)

Câu 10. Qua câu chuyện, em thấy mình cần phải có thái độ sống như thế nào? (9)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Em đã từng trải qua những chuyến đi xa, được khám phá và trải nghiệm biết bao thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa, học tập được bao điều mới lạ,...Hãy kể lại một chuyến đi trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**Môn Ngữ văn lớp 6**

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

BÁNH CHỪNG BÁNH GIÀY

Ngày đó, vua Hùng trị vì đất nước. Thấy mình đã già, sức khỏe ngày một suy yếu, vua có ý định chọn người nối ngôi. Vua có cả thảy hai mươi hai người con trai, người nào cũng đã khôn lớn và tài trí hơn người. Vua bèn quyết định mở một cuộc thi để kén chọn.

Vua Hùng cho hội họp tất cả các hoàng tử lại. Vua truyền bảo:

- Cha biết mình gần đất xa trời. Cha muốn truyền ngôi cho một trong số anh em các con. Bây giờ mỗi con hãy làm một món ăn lạ để cúng tổ tiên. Ai có món ăn quý vừa ý ta thì sẽ được ta chọn.

Nghe vua cha phán truyền thế, các hoàng tử thi nhau cho người đi khắp mọi nơi lùng kiếm thức ăn quý. Họ lặn lội lên ngàn, xuống biển không sót chỗ nào.

Trong số hai mươi hai hoàng tử, có chàng Liêu là hoàng tử thứ mười tám. Mẹ cô mẹ từ nhỏ, chàng Liêu từng sống nhiều ngày cô đơn. Chẳng có ai giúp đỡ chàng trong việc lo toan tìm kiếm món ăn lạ. Chỉ còn ba ngày nữa là đến kỳ thi mà Liêu vẫn chưa có gì. Đêm hôm đó, Liêu nằm gác tay lên trán lo lắng, suy nghĩ rồi ngủ quên lúc nào không biết. Liêu mơ mơ màng màng thấy có một vị nữ thần từ trên trời bay xuống giúp chàng. Nữ thần bảo:

- To lớn trong thiên hạ không gì bằng trời đất, của báu nhất trần gian không gì bằng gạo. Hãy đem vo cho tôi chỗ nếp này, rồi kiếm cho tôi một ít đậu xanh.

Rồi Liêu thấy thần lần lượt bày ra những tàu lá rộng và xanh. Thần vừa gói vừa giảng giải:

- Bánh này giống hình mặt đất. Đất có cây cỏ, đồng ruộng thì màu phải xanh xanh, hình phải vuông vắn. Trong bánh phải cho thịt, cho đỗ để lấy ý nghĩa đất chở cầm thú, cỏ cây... Rồi đem thứ nếp trắng đồ lên cho dẻo, giã ra làm thứ bánh giống hình trời: màu phải trắng, hình phải tròn và khum khum như vòm trời... Tỉnh dậy, Liêu bắt đầu làm bánh y như trong giấc mộng.

Ngày các hoàng tử đem các món ăn đến dự thi là một ngày náo nhiệt nhất ở Phong Châu. Người đông nghìn nghịt. Nhân dân các nơi náo nức về dự một cái Tết tung bồng hiêm có.

Đúng vào lúc mặt trời mọc, vua Hùng đi kiệu đến làm lễ tổ tiên. Chiêng trống cò quạt thật là rộn rã. Tất cả trông chờ kết quả cuộc chám thi.

Nhưng tất cả các món “nem công chả phượng” của các hoàng tử đều không thể bằng thứ bánh quê mùa của Liêu.

Sau khi đã nếm xong, vua Hùng rất ngạc nhiên, cho đòi Liêu lên hỏi cách thứ làm bánh. Hoàng tử cứ thực tâm lên, không quên nhắc lại giấc mộng lạ của mình.

Trưa hôm ấy, vua Hùng trình trọng tuyên bố hoàng tử thứ mười tám được giải nhất và được truyền ngôi. Vua cầm hai thứ bánh giơ lên cho mọi người xem và phán rõ:

- Hai thứ bánh này bày tỏ được lòng hiếu thảo của con cháu, tôn ông bà tổ tiên như Trời Đất, nhưng những hạt ngọc ấy mọi người đều làm ra được. Phải chăng đó không phải là những món ăn ngon và quý nhất để ta dâng cúng tổ tiên...

Từ đó thành tục lệ hàng năm cứ đến ngày Tết, mọi người đều làm hai thứ bánh đó, gọi là bánh chưng bánh giầy, để thờ cúng tổ tiên. Hoàng tử Liêu sau được làm vua, tức Hùng Vương thứ bảy.

(Theo Nguyễn Đồng Chi

Nguồn: Kể chuyện 2, trang 75, NXB Giáo dục - 1982)

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Truyện *Bánh chưng bánh giầy* thuộc thể loại nào? (1)

- A. Truyện cổ tích
- B. Truyện đồng thoại
- C. Truyền thuyết
- D. Thần thoại

Câu 2. Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy? (2)

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ ba
- C. Ngôi thứ hai
- D. Cả ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 3: Nhân vật chính trong văn bản trên là ai?(1)

- A. Vua Hùng
- B. Dân chúng
- C. Thần
- D. Lang Liêu

Câu 4: Có bao nhiêu thành ngữ được sử dụng trong văn bản trên?(3)

- A. Một
- B. Hai
- C. Ba
- D. Bốn

Câu 5: Theo em nghĩa của từ “Ngẫm nghĩ” là gì?(8)

- A. Suy nghĩ rất lâu rồi mới nói.
- B. Chưa suy nghĩ đã nói.
- C. Chỉ suy nghĩ trong đầu, không nói.
- D. Vừa suy nghĩ vừa nói.

Câu 6: Nhận xét nào sau đây đúng với chủ đề của đoạn trích?(7)

- A. Văn bản thể hiện sự khổ cực của hoàng tử Lang Liêu.
- B. Văn bản thể hiện sự hạnh phúc của Lang Liêu khi được chọn là người kế vị.
- C. Văn bản giải thích nguồn gốc ra đời của bánh chưng, bánh giầy.
- D. Văn bản thể hiện tình yêu của vua cha dành cho Lang Liêu.

Câu 7: Vua Hùng quyết định truyền ngôi cho Lang Liêu là vì:(5)

- A. Vua Hùng yêu quý và trọng dụng người có lòng như Lang Liêu.
- B. Vì Lang Liêu đã sáng tạo ra hai thứ bánh vừa ý vua cha.
- C. Vì Lang Liêu là hoàng tử nghèo khổ nhất lại nhân hậu nhất.
- D. Vì Lang Liêu là người được thần báo mộng, có năng lực thần thánh.

Câu 8: Qua cách thức nối ngôi của nhà vua, ta thấy ông là người như thế nào?(5)

- A. Tham lam nhưng sáng suốt.
- B. Ngu xuẩn, tàn ác.
- C. Nhu nhược, tham lam.
- D. Anh minh, sáng suốt

Thực hiện yêu cầu:

Câu 9: Trình bày ý nghĩa của một chi tiết tưởng tượng, kì ảo mà em thích.(10)

Câu 10: Suy nghĩ của em về tục kế truyền ngôi vị của các thời vua Hùng. (9)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Hãy kể lại một truyện truyền thuyết bằng lời văn của em.

----- Hết -----

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

Ngày xưa, ngày xưa, có hai anh em nhà kia cha mẹ mất sớm. Khi người anh lấy vợ, người anh không muốn ở chung với em nữa, nên quyết định chia gia tài. Người anh tham lam chiếm hết cả nhà cửa, ruộng vườn, trâu bò của cha mẹ để lại, chỉ cho người em một túp lều nhỏ và mảnh vườn, trong đó có cây khế ngọt. Người em không chút phàn nàn, ngày ngày chăm bón cho cây khế và cây thuê, cuốc mướn nuôi thân.

Một hôm, có con chim Phượng Hoàng từ đâu bay đến mổ khế ăn lia lịa. Thấy thế, người em vác gậy đuổi chim và nói. “Này chim! Ta chỉ có duy nhất một cây khế này, và ta đã khó nhọc chăm sóc đến ngày hái quả. Nay nếu chim ăn hết ta chẳng có gì để bán đi mua gạo. Vậy nếu chim muốn ăn hãy mang trả ta vật gì có giá trị”. Chim vừa ăn vừa đáp: “Ăn một quả, trả cục vàng may túi ba gang, mang

theo mà dừng“. Người em nghe chim nói vậy, cũng đành để chim ăn. Một hôm sau, chim lại đến ăn khế. Ăn xong chim bảo người em lấy túi ba gang đi lấy vàng. Người em chạy vào nhà lấy chiếc túi ba gang đã may sẵn rồi leo lên lưng chim.

Bay mãi, bay mãi qua biết bao nhiêu làng mạc, núi đồi, sông suối rồi đến một hoang đảo xa xôi. Chim hạ cánh bảo người em xuống lấy vàng bạc, châu báu mang về. Người em vô cùng kinh ngạc vì chưa bao giờ được nhìn thấy nhiều vàng bạc, châu báu như vậy. mãi ngắm nhìn, người em quên cả việc lấy vàng mang về, mãi đến khi chim giục, người em mới vội vàng lấy mỗi thứ một ít cho vào túi rồi lên lưng Phượng hoàng ra về. Chim thấy vậy bảo người em lấy thêm nhưng người em cũng không lấy vì sợ đường về xa chim sẽ bị mệt. Thế rồi người em cùng chim lên đường trở về nhà.

Từ đó, người em trở nên giàu có và mang tiền của chim chia cho những người nghèo khổ.

Người anh thấy người em giàu có bất thường nên mon men sang hỏi sang hỏi chuyện. Người em thật thà kể lại cho người anh nghe câu chuyện mình được chim thần chở đi lấy vàng ở hòn đảo nọ. Nghe xong, lòng tham nổi lên, anh ta đòi đổi toàn bộ gia tài lấy mảnh vườn và cây khế của người em. Chiều lòng anh, người em bằng lòng.

Vào mùa năm sau, cây khế vẫn tiếp tục sai trái. Một hôm, chim lại bay tới để ăn khế, vợ chồng người anh giả nghèo khổ, khóc lóc, kêu than, chim bèn nói:

- Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang theo mà dừng.

Người anh mừng quá giục vợ may túi không phải 3 gang mà là 12 gang để đựng được nhiều vàng.

Hôm sau chim thần tới đưa người anh đi lấy vàng. Anh ta bị hoa mắt bởi vàng bạc châu báu trên hòn đảo, nhồi đầy túi rồi, người anh còn cố nhét vàng quanh người. Chim giục mãi anh ta mới chịu leo lên lưng chim để trở về.

Đường thì xa, vàng thì nặng, chẳng mấy chốc chim thần đã thấm mệt. Nhiều lần chim thần bảo người anh vứt bớt vàng đi cho nhẹ nhưng anh ta vẫn khẳng khái ôm lấy túi vàng không chịu buông. Khi bay qua biển, bất ngờ có một cơn gió lớn thổi lên, chim không chịu nổi nữa liền nghiêng cánh. Thế là người anh tham lam cùng túi vàng rơi tòm xuống biển...

(Truyện Cây khế - kho tàng cổ tích Việt

Nam)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Câu chuyện *Cây khế* trên thuộc thể loại nào? (1)

A. Truyện cổ tích B. Truyện đồng thoại C. Truyền thuyết D. Thần thoại

Câu 2. Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ nhất. Đúng hay sai? (2)

A. Đúng

B. Sai

Câu 3. Từ nào là từ láy trong câu “*Một hôm, có con chim Phượng Hoàng từ đâu bay đến mổ khế ăn lia lia*”? (3)

A. Một hôm

B. Con chim

C. Bay đến

D. Lia lia

Câu 4. Qua câu chuyện trên, người em là người như thế nào? (4)

A. Tham lam, ích kỉ

B. Độc ác, gian xảo

C. Chăm chỉ, thật thà

D. Sống ân nghĩa, thủy chung

Câu 5. Thành ngữ nào sau đây diễn tả đúng về tính cách của người anh trong câu chuyện? (6)

A. Tham sống sợ chết

B. Tham thì thâm

C. Tham phú phụ bần

D. Được voi đòi tiên

Câu 6. Xác định ý nghĩa của trạng ngữ in đậm trong câu “***Từ đó**, người em trở nên giàu có và mang tiền của chim chia cho những người nghèo khổ*”? (6)

A. Mục đích

B. Nguyên nhân

C. Thời gian

D. Nơi chốn

Câu 7. Nhận xét nào sau đây đúng về chủ đề chính truyện *Cây khế*? (5)

A. Ca ngợi tình cảm người em đối với người anh.

B. Phê phán lòng tham lam, ích kỉ của người anh.

C. Thể hiện sự thương cảm của người em đối loài vật.

D. Giải thích nguồn gốc cây khế.

Câu 8. Việc người anh bị rơi xuống biển cùng bao nhiêu vàng bạc châu báu lấy được là kết quả tất yếu của: (5)

A. sự tham lam.

B. thời tiết không thuận lợi.

C. quãng đường chim bay quá xa xôi

D. sự trả thù của chim.

Câu 9. Dựa vào chi tiết “*Từ đó, người em trở nên giàu có và mang tiền của chia cho những người nghèo khổ*” chúng ta cần làm gì để giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn? (7)

Câu 10. Qua câu chuyện, em học tập được đức tính tốt đẹp nào của người em và rút ra được bài học kinh nghiệm nào từ người anh? (7)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Kể lại một kỉ niệm đáng nhớ của em với một người thân mà em yêu quý.

----- Hết -----

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Sơn Tinh, Thủy Tinh

Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên gọi là My Nương, sắc đẹp tuyệt trần. My Nương được vua cha yêu thương rất mực. Nhà vua muốn kén cho nàng một người chồng thật xứng đáng.

Một hôm có hai chàng trai đến, xin ra mắt nhà vua để cầu hôn. Một người ở vùng núi Ba Vì, tuấn tú và tài giỏi khác thường: chỉ tay về phía đông, phía đông biến thành đồng lúa xanh, chỉ tay về phía tây, phía tây mọc lên hàng dãy núi. Nhân dân trong vùng gọi chàng là Sơn Tinh. Còn một người ở mãi tận miền biển Đông tài giỏi cũng không kém: gọi gió, gió đến, hô mưa, mưa tới – Chàng này tên gọi là Thủy Tinh.

Một người là chúa của miền non cao, một người là chúa của vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng. Hùng Vương băn khoăn không biết nhận lời ai, từ chối ai. Nhà vua cho mời các quan lục hầu vào bàn mà vẫn không tìm được kế hay. Cuối cùng, Hùng Vương phán rằng:

– Hai người đều vừa ý ta cả, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho người nào? Ngày mai, nếu ai đem đồ sính lễ đến đây trước: một trăm ván cơm nếp, hai trăm nệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, thì được rước dâu về.

Sáng sớm hôm sau, Sơn Tinh đã đem đầy đủ lễ vật đến trước và được phép đưa dâu về núi. Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, dùng dùng nổi giận, đem quân đuổi theo, một hai đòi cướp lại My Nương.

Thủy Tinh hô ma, gọi gió, làm thành dông bão dùng dùng rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn tiến đánh Sơn Tinh. Nước ngập lúa, ngập đồng rồi ngập nhà, ngập cửa.

Sơn Tinh không hề nao núng, dùng phép màu bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi chặn đứng dòng nước lũ. Nước dâng lên cao bao nhiêu, Sơn Tinh lại làm cho đồi, núi mọc cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời liền, cuối cùng Thủy Tinh đuối sức phải rút quân về.

Từ đó, oán ngày càng thêm nặng, thù ngày càng thêm sâu, không năm nào Thủy Tinh không làm mưa làm bão, dâng nước lên đánh Sơn Tinh và lần nào Thủy Tinh cũng thua, phải bỏ chạy.

(Theo Nguyễn Đồng Chi

Nguồn: Kể chuyện 2, trang 75, NXB Giáo dục - 1982)

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh thuộc thể loại nào? (1)

- A. Truyện cổ tích
- B. Truyện đồng thoại
- C. Truyện thuyết
- D. Thần thoại

Câu 2. Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy? (2)

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ ba
- C. Ngôi thứ hai
- D. Cả ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 3. Nhân vật chính trong truyện là ai? (1)

- A. Sơn Tinh, My Nương
- B. Thủy Tinh, My Nương
- C. Sơn Tinh, Hùng Vương
- D. Sơn Tinh, Thủy Tinh

Câu 4: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên là phương thức nào? (1)

- A. Tự sự
- B. Biểu cảm
- C. Miêu tả
- D. Nghị luận

Câu 5: Nội dung chủ yếu nổi bật trong truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh là gì? (6)

- A. Hiện thực cuộc đấu tranh chinh phục tự nhiên của tổ tiên ta
- B. Cuộc chiến tranh chấp nguồn nước, đất đai, lãnh thổ
- C. Cuộc chiến tranh chấp người phụ nữ
- D. Sự ngưỡng mộ của Sơn Tinh, lòng căm ghét Thủy Tinh

Câu 6. Truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh phản ánh nét tâm lí chủ yếu nào của nhân dân trong lao động? (6)

- A. Sợ hãi trước sự bí hiểm, sức mạnh của thiên nhiên
- B. Căm thù sự tàn phá của thiên nhiên
- C. Thần thánh hóa thiên nhiên, để bớt sợ hãi
- D. Vừa sùng bái, vừa mong ước chiến thắng thiên nhiên

Câu 7. Truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh phản ánh hiện thực, mơ ước của người Việt trong công cuộc?(5)

- A. Xây dựng đất nước
- B. Công cuộc giữ nước tộc

- C. Đấu tranh chống thiên tai
- D. Xây dựng nền văn hóa dân

Câu 8. Trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* người Việt cổ nhận thức và giải thích quy luật thiên nhiên như thế nào?(4)

- A. Nhận thức thông qua việc ghi chép chân thực
- B. Nhận thức và giải thích hiện thực đúng với bản chất của nó bằng khoa học
- C. Nhận thức và giải thích bằng trí tưởng tượng phong phú
- D. Nhận thức và giải thích hiện thực không có cơ sở thực tế

Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Em hãy cho biết vì sao thiên tai lũ lụt ngày một nhiều, sức tàn phá ngày một khủng khiếp hơn?(9)

Câu 10. Qua câu chuyện, em thấy mình cần phải làm gì để hạn chế được thiên tai, lũ lụt? (8)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Hãy kể lại một truyện truyền thuyết bằng lời văn của em.

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

ĂN KHÉ TRẢ VÀNG

Ngày xưa ngày xưa, có hai anh em nhà kia, sau khi mẹ chết đi, họ chung sống thuận hòa dưới một mái nhà với người cha già. Ba cha con làm lụng, cùng lo toan mọi việc trong nhà. Cuộc sống cứ êm ả như vậy cho tới khi người cha qua đời...

Sau khi cha chết, hai anh em chia nhau ra ở riêng. Bị vợ xúi giục, người anh tìm cách chiếm hết mọi tài sản. Hai vợ chồng anh ta chỉ nhường cho chú em một gian nhà lụp xụp và cây khế ngoài vườn. Mặc dù thiệt thòi, nhưng người em vẫn nín nhịn, không một lời kêu ca, oán thán.

Đến mùa khế chín, bỗng có con chim rất to từ đâu bay tới, cứ thế đậu trên cây khế, thỏa sức ăn khế chín. Người em tiếc của, nước mắt ngấn nước mắt dài than khóc. Chim thấy thế, vừa ăn khế vừa nói:

*Ăn một quả
Trả cục vàng.
May túi ba gang
Đem đi mà đựng.*

Người em nghe chim nói cũng thấy lạ. Nhưng sáng hôm sau, anh vẫn làm đúng theo lời chim dặn, mang túi ba gang may sẵn ra vườn chờ chim. Chim bay đến. Nó nằm ẹp xuống đón anh lên lưng. Sau đó, chim vỗ cánh, đưa anh vượt biển, bay tới một hòn đảo ngoài khơi xa.

Từ trên lưng chim bước xuống, anh ngỡ mình hoa mắt; xung quanh la liệt những vàng bạc, châu báu.

Anh nhớ lời chim dặn, nhặt vàng đầy túi, sau đó lại leo lên lưng chim để chim đưa anh quay về vườn cũ.

Kể từ đó, đời sống của anh thay đổi hẳn. Anh đã đủ ăn, đủ mặc. Anh xây dựng nhà cửa khang trang. Đời sống hàng ngày sung túc.

Người chị dâu thấy thế liền lân la hỏi chuyện. Người em cứ thế kể ra hết mọi chuyện.

Chị dâu nghe xong, liền về bàn với chồng. Hai vợ chồng đến xin người em cho đổi mọi tài sản của họ lấy cây khế. Người em bằng lòng. Rồi đến mùa khế chín, con chim lạ lại bay tới ăn khế. Theo đúng lời người em kể, người anh cũng ra vườn than khóc. Chim vẫn tiếp tục ăn khế chín, và cũng nói như trước đây:

Ăn một quả

Trả cục vàng.

May túi ba gang

Đem đi mà đựng.

Người anh mừng lắm, vội về cùng vợ may túi, đợi sáng hôm sau chim lạ bay tới cũng đi nhặt vàng. Có điều thay vì may túi ba gang như chim bảo, vợ chồng người anh lại may cái túi chín gang, để có thể đựng được nhiều vàng hơn.

Khi túi đã đầy vàng, con chim lạ không sao cõng nổi người anh bay lên. Có mấy lần mấy lượt, tuy chim vẫn bay lên được, nhưng đôi cánh vỗ rất nặng nề và khó nhọc.

Ra đến giữa biển, chim loạng choạng mấy lần. Nhưng rồi đuối sức, chim lao đảo, nghiêng cánh, khiến cho người anh đang cười trên lưng rơi tõm cả người lẫn vàng bạc, châu báu xuống biển.

(TruyendangianVietNa

m.com)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Truyện *Ăn khế trả vàng* thuộc thể loại nào?

- A. Truyện cổ tích B. Truyện đồng thoại C. Truyện thuyết D. Thần thoại

Câu 2. Truyện *Ăn khế trả vàng* được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ hai B. Ngôi thứ ba
C. Ngôi thứ nhất C. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 3. Người anh chia cho người em những gì khi ra ở riêng?

- A. Một gian nhà khang trang ở trước cửa có một cây khế ngọt
B. Một mảnh vườn có cây khế ngọt
C. Một nửa số ruộng mà hai anh em có
D. Một gian nhà lụp xụp ở trước cửa có một cây khế ngọt

Câu 4. Người em trong câu chuyện gọi cho em liên tưởng đến kiểu nhân vật nào trong truyện dân gian?

- A. Nhân vật bất hạnh
- B. Nhân vật người mang lột vật
- C. Nhân vật dũng sĩ
- D. Nhân vật thông minh

Câu 5. Thành ngữ nào sau đây diễn tả đúng tình cảnh của vợ chồng người anh?

- A. Tham thì thâm
- B. Ở hiền gặp lành
- C. Trèo cao té đau
- D. Có tật giật mình

Câu 6. Qua việc may túi theo lời chim dặn và được chim đưa đi lấy vàng ở đảo xa, nhân vật người em đã thể hiện là một người như thế nào?

- A. Là một người đại dột.
- B. Là một người có khao khát giàu sang.
- C. Là một người ham được đi đây đi đó.
- D. Là một người trung thực.

Câu 7. khi chia gia tài, việc người em nín nhịn, chấp nhận lấy gian nhà lụp xụp và cây khế chứng tỏ điều gì?

- A. Người em đại dột, không biết tính toán.
- B. Người em có tài tiên đoán, biết trước cây khế sẽ mang lại lợi ích lớn về sau.
- C. Người em hiền lành, biết nhường nhịn anh.
- D. Người em rất yêu thích cây khế.

Câu 8. Việc người anh bị rơi xuống biển cùng bao nhiêu vàng bạc châu báu lấy được là kết quả tất yếu của:

- A. sự tham lam.
- B. thời tiết không thuận lợi.
- C. sự trả thù của chim.
- D. quãng đường chim phải bay xa xôi quá.

Câu 9. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản.

Câu 10. Từ câu chuyện trên, em hãy trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của tình cảm gia đình (tình anh em, mẫu tử, bà cháu,...) đối với mỗi người.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Hãy viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ nhất của bản thân với một người thân trong gia đình.

----- Hết -----

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:****SỰ TÍCH HOA CÚC TRẮNG**

Ngày xưa, có một gia đình nghèo gồm hai mẹ con sống nương tựa vào nhau, cuộc sống của họ bình yên trong một ngôi nhà nhỏ. Người mẹ hàng ngày tần tảo làm lụng nuôi con. Người con thì cũng hiếu thảo, biết vâng lời mẹ và chăm chỉ học hành. Một ngày kia, người mẹ bỗng lâm bệnh nặng, mặc dù người con rất thương mẹ, chạy chữa biết bao thầy lang giỏi trong vùng cũng không chữa khỏi cho mẹ. Em buồn lắm, ngày ngày đều cầu phúc cho mẹ. Thương mẹ, người con quyết tâm đi tìm thầy nơi khác về chữa bệnh. Người con đi mãi, qua bao nhiêu làng mạc, núi sông, ăn đói mặc rách vẫn không nản lòng.

Đến một hôm, khi đi ngang qua một ngôi chùa, em xin nhà sư trụ trì được vào thắp hương cầu phúc cho mẹ. Lời cầu xin của em khiến trời nghe cũng phải nhỏ lệ, đất nghe cũng cúi mình. Lời cầu xin đó đến tai Đức Phật từ bi, Người cảm thương tấm lòng hiếu thảo đó của em nên đã tự mình hóa thân thành một nhà sư. Nhà sư đi ngang qua chùa và tặng em một bông hoa trắng rồi nói:

- Bông hoa này là biểu tượng của sự sống, là bông hoa chứa đựng niềm hi vọng, là ước mơ của loài người, là thần dược để chữa bệnh cho mẹ con, con hãy mang nó về chăm sóc. Nhưng phải nhớ rằng, cứ mỗi năm sẽ có một cánh hoa rụng đi và bông hoa có bao nhiêu cánh thì mẹ con chỉ sống được bấy nhiêu năm. Nói rồi nhà sư biến mất.

Em nhận bông hoa, cảm tạ Đức Phật, lòng em rất đổi vui mừng. Nhưng khi đếm những cánh hoa, lòng em bỗng buồn trở lại khi biết rằng bông hoa chỉ có năm cánh, nghĩa là mẹ em chỉ sống được thêm với em có năm năm nữa. Thương mẹ quá, em nghĩ ra một cách, em liền liềm xé nhỏ những cánh hoa ra thành nhiều cánh nhỏ, nhiều đến khi không còn đếm được bông hoa có bao nhiêu cánh nữa. Nhờ đó mà mẹ em đã khỏi bệnh và sống rất lâu bên người con hiếu thảo của mình. Bông hoa trắng với vô số cánh nhỏ đó đã trở thành biểu tượng của sự sống, là ước mơ trường tồn, là sự hiếu thảo của người con đối với mẹ, là khát vọng chữa lành mọi bệnh tật cho mẹ của người con. Ngày nay, bông hoa đó được người đời gọi là hoa cúc trắng.

(Phỏng theo Truyện cổ tích Nhật Bản - Sách Ngựa Gióng)

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Nhân vật chính trong Truyện Sự tích hoa cúc trắng là ai? (1) NB (THỂ LOẠI)

A. Em bé

B. Người mẹ

C. Đức Phật

D. Thầy lang

Câu 2. Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy? (2) NB (NGÔI KỂ)

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ ba

C. Ngôi thứ hai

D. Cả ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 3. Trong câu chuyện, em bé cứu sống được mẹ là nhờ tìm được thầy lang giỏi, theo em đúng hay sai? (1) NB (CHI TIẾT)

A. Đúng

B. Sai

Câu 4. Theo nhà sư, bông hoa cúc trắng biểu tượng cho điều gì? (1) NB (CHI TIẾT)

A. Biểu tượng cho sự sống, chứa đựng niềm hi vọng, là ước mơ của loài người, là thần dược để chữa bệnh cho mẹ con.

B. Biểu tượng cho sự sống, chứa đựng sự hiếu thảo, là ước mơ của loài người, là thần dược để chữa bệnh cho mẹ con.

C. Biểu tượng cho sự sống chứa đựng niềm hi vọng, là ước mơ về lòng hiếu thảo, là thần dược để chữa bệnh cho mẹ con.

D. Biểu tượng cho sự sống chứa đựng niềm hi vọng, là ước mơ của loài người, là thần dược để chữa bệnh cho mọi người.

Câu 5. Vì sao em bé lại xé nhỏ các cánh hoa? (4) TH (LÍ GIẢI ĐƯỢC Ý NGHĨA CHI TIẾT TIÊU BIỂU)

A. Vì em vốn là đứa trẻ hiếu động

B. Vì em nghĩ bông hoa nhiều cánh sẽ đẹp hơn

C. Vì em bé muốn mẹ sống lâu bên mình

D. Vì em thích bông hoa nhiều cánh

Câu 6. Trong câu văn “Người mẹ hàng ngày tần tảo làm lụng nuôi con”, từ láy *tần tảo* có ý nghĩa là: (7) TH (HIỂU NGHĨA CỦA TỪ LÁY)

A. làm lụng chăm chỉ công việc nhà trong hoàn cảnh khó khăn

B. làm lụng chăm chỉ công việc đồng áng trong hoàn cảnh khó khăn

C. làm lụng chăm chỉ việc nhà và đồng áng trong hoàn cảnh khó khăn

D. làm lụng vất vả, lo toan việc nhà trong hoàn cảnh khó khăn

Câu 7. “Ngày xưa, có một gia đình nghèo gồm hai mẹ con sống nương tựa vào nhau, cuộc sống của họ bình yên trong một ngôi nhà nhỏ”. Từ in đậm trong câu văn thuộc loại trạng ngữ nào? (7) TH (HIỂU LOẠI TRẠNG NGỮ)

A. Trạng ngữ chỉ mục đích

B. Trạng ngữ chỉ nơi chốn

C. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân

D. Trạng ngữ chỉ thời gian

Câu 8. Chủ đề nào sau đây **đúng** với truyện *Sự tích hoa cúc trắng*? (6) TH (HIỂU CHỦ ĐỀ)

A. Ca ngợi ý nghĩa các loài hoa

B. Ca ngợi tình mẫu tử

C. Ca ngợi tình cảm gia đình

D. Ca ngợi tình cha con

Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc câu chuyện trên. (8) VD (RÚT RA BÀI HỌC)

Câu 10. Qua câu chuyện, em thấy mình cần phải có trách nhiệm gì với cha mẹ? (9) VD (TRÌNH BÀY ĐƯỢC CÁCH NGHĨ, CÁCH ỨNG XỬ TỪ VĂN BẢN GỌI RA)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Kể lại một truyện truyền thuyết bằng lời văn của em. =VDC

----- Hết -----

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC (6.0 điểm)

Đọc ngữ liệu và thực hiện các yêu cầu dưới đây:

Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân. Thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lên sống trên cạn, sức khỏe vô địch, có nhiều phép lạ. Thần giúp nhân dân diệt trừ Ngư tinh, Hồ tinh, Mộc tinh là những loài yêu quái bấy lâu làm hại dân lành. Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở. Xong việc, thần thường về thủy cung với mẹ, khi có việc cần, thần mới hiện lên.

Bấy giờ, ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần, nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, bèn tìm đến thăm. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, đem lòng yêu thương, rồi trở thành vợ chồng, cùng nhau chung sống trên cạn ở điện Long Trang.

Ít lâu sau, Âu Cơ có mang đến kì sinh nở. Chuyện thật lạ, nàng sinh ra một cái bọc trăm trứng nở ra một trăm con trai, con nào con ấy hồng hào, đẹp đẽ lạ thường. Đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô, khỏe mạnh như thần.

Thế rồi một hôm, Lạc Long Quân vốn quen ở nước, cảm thấy mình không thể sống mãi trên cạn được, đành từ biệt Âu Cơ và đàn con để trở về thủy cung với mẹ. Âu Cơ ở lại một mình nuôi đàn con, tháng ngày chờ mong, buồn tủi. Cuối cùng nàng gọi chồng lên và than thở.

– Sao chàng bỏ thiếp mà đi, không cùng thiếp nuôi đàn con nhỏ?

Lạc Long Quân nói:

– Ta vốn nòi rồng ở miền nước thẳm, nàng là giòng tiên ở chốn non cao. Kẻ ở cạn, người ở nước, tính tình tập quán khác nhau, khó mà ăn ở cùng nhau một nơi lâu

dài được. Nay ta đưa năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia nhau cai quản các phương. Kẻ miền núi, người miền biển, khi có việc gì thì giúp đỡ lẫn nhau, đừng quên lời hẹn.

Âu Cơ và trăm con nghe theo, rồi cùng nhau chia tay nhau lên đường. Người con trưởng được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình có tướng văn, tướng võ, con trai vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là mị nương, khi cha chết thì được truyền ngôi cho con trưởng, mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy danh hiệu Hùng Vương, không hề thay đổi.

Cũng bởi sự tích này mà về sau, người Việt Nam ta con cháu vua Hùng, thường nhắc đến nguồn gốc của mình là con Rồng cháu Tiên.

(Con Rồng cháu Tiên , Ngữ Văn 6, tập 1, trang 6, NXB Giáo dục – 1989)

Câu 1. Truyện *Con Rồng cháu Tiên* thuộc thể loại nào? (1)

- | | |
|------------------|-------------|
| A. Truyền thuyết | C. Cổ tích |
| B. Thần thoại | D. Ngụ ngôn |

Câu 2. Chi tiết nào sau đây giới thiệu, miêu tả nhân vật Lạc Long Quân? (1)

- A. Minh rồng, sức khỏe vô địch, có nhiều phép lạ .
- B. Hiền lành, thông minh, được mọi người yêu mến
- C. Hồng hào, đẹp đẽ, có sức mạnh phi thường
- D. Tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô, tuấn tú

Câu 3. Trong các từ sau, từ nào là từ láy ? (3)

- | | |
|--------------|-------------|
| A. Mặt mũi | C. Khôi ngô |
| B. Khỏe mạnh | D. Hồng hào |

Câu 4. Trong truyện *Con Rồng cháu Tiên*, vì sao Lạc Long Quân và Âu Cơ chia tay nhau? (5)

- A. Vì Lạc Long Quân không còn yêu thương Âu Cơ nên từ biệt Âu Cơ và đàn con .

- B. Vì họ có tập tính và tập quán sinh hoạt hoàn toàn khác nhau.
- C. Vì Lạc Long Quân phải về quê để nối ngôi vua cha.
- D. Vì Âu Cơ muốn các con được sống ở hai môi trường khác nhau.

Câu 5. Câu chuyện *Con Rồng cháu Tiên* ra đời nhằm mục đích gì? (4)

- A. Kể về những câu chuyện thần kì, có thật và được truyền từ đời này qua đời khác.
- B. Giải thích nguồn gốc cộng đồng người Việt và các dân tộc trên lãnh thổ nước ta.
- C. Dựng lại bức tranh lịch sử nước ta trong buổi đầu dựng nước của các đời vua Hùng.
- D. Nêu cao tinh thần yêu nước và truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

Câu 6. Chi tiết “*Năm mươi con theo cha xuống biển, năm mươi con theo mẹ lên non, khi có việc thì nương tựa lẫn nhau*” thể hiện điều gì? (7)

- A. Truyền thống chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta từ xa xưa.
- B. Tinh thần yêu nước của nhân dân ta đã được nuôi dưỡng từ những ngày đầu.
- C. Ước nguyện đoàn kết, gắn bó giúp đỡ lẫn nhau của các dân tộc anh em.
- D. Người Việt cổ vừa sống trên núi, vừa sống ở vùng đồng bằng và vùng ven biển.

Câu 7. Thành ngữ “*hoa thom cỏ lạ*” có nghĩa là gì ? (8)

- A. Chỉ lối sống vong ơn, bội nghĩa của con người.
- B. Miệng nói lời đẹp đẽ nhưng tâm hồn xấu xa.
- C. Hoàn hảo, trọn vẹn, không thiếu sót ở mặt nào.
- D. Những cây cỏ quý hiếm, đẹp đẽ, ít xuất hiện.

Câu 8. Ý nghĩa nổi bật của hình tượng “*bọc trăm trứng*” là gì? (7)

- A. Ca ngợi công lao sinh nở kì diệu của Âu Cơ – Lạc Long Quân.
- B. Thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước, tự hào dân tộc.

C. Nhắc nhở các dân tộc là anh em nên phải thương yêu, đùm bọc lẫn nhau.

D. Thể hiện sự kì diệu của bọc trăm trứng mà mẹ Âu Cơ đã sinh ra.

Câu 9. Trình bày ngắn gọn suy nghĩ của em về nguồn gốc hình thành của dân tộc Việt? (9)

Câu 10. Em hãy tìm điểm khác nhau về lai lịch của hai nhân vật Lạc Long Quân và Thánh Gióng. (10)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Kể lại một câu chuyện cổ tích mà em yêu thích.

----- Hết -----

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

THẠCH SANH

[...]Một hôm, Thạch Sanh ngồi trong ngục tối, đem đàn của vua Thủy Tề cho ra gảy. Tiếng đàn vang lên như những lời trách oán, trách sự hờ hững của công chúa và oán sự độc ác của Lý Thông. Tiếng đàn văng đến hoàng cung, lọt vào tai công chúa. Vừa nghe tiếng đàn, công chúa bỗng cười nói vui vẻ. Nàng xin vua cha cho gọi người đánh đàn vào cung.

Nhà vua lấy làm lạ, cho đòi Thạch Sanh đến. Trước mặt mọi người, chàng kể hết đầu đuôi câu chuyện của mình, từ chuyện kết bạn với Lý Thông đến chuyện chém trăn tinh, từ chuyện giết đại bàng, cứu công chúa đến chuyện bị lấp cửa hang và cuối cùng là chuyện bị bắt oan vào ngục thất của hoàng cung. Mọi người bấy giờ mới hiểu ra tất cả sự thật. Vua sai bắt giam hai mẹ con Lý Thông lại giao

cho Thạch Sanh xét xử. Chàng rộng lượng tha thứ cho chúng về quê làm ăn. Nhưng về đến nửa đường thì chúng bị sét đánh chết.

Nhà vua gả công chúa cho Thạch Sanh, lễ cưới của họ tung bừng nhất kinh kì, chưa bao giờ và chưa ở đâu có lễ cưới tung bừng như thế. Thấy vậy bọn hoàng tử các nước chư hầu trước kia bị công chúa từ hôn lấy làm tức giận. Họ hội họp binh lính cả mười tám nước lại kéo sang đánh. Thạch Sanh xin nhà vua đừng động binh. Chàng một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ của mười tám nước bủn rủn chân tay, không còn nghĩ gì được tới chuyện đánh nhau nữa. Cuối cùng các hoàng tử phải cuốn giáp ra về. Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận. Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẻn một cái niêu cơm tí xíu thì ai nấy đều ngạc nhiên, toan bỏ về. Thạch Sanh thân chinh đến mời họ cầm đũa và hứa sẽ trọng thưởng cho những ai ăn hết nồi cơm đó. Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng nồi cơm bé xíu vậy mà cứ hết lại đầy. Sau khi ăn no nê, quân sĩ mười tám nước cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh và kéo nhau về nước.

Về sau, vua không có con trai nên đã nhường ngôi cho Thạch Sanh.

(Trích SGK Ngữ văn 6 tập 2, Kết nối tri thức với cuộc sống – NXBGD, 2021, trang 28-29)

Câu 1. Truyện *Thạch Sanh* thuộc thể loại nào? (1)

- | | |
|-------------------|----------------------|
| A. Truyện cổ tích | B. Truyện đồng thoại |
| C. Truyện thuyết | D. Thần thoại |

Câu 2. Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy? (2)

- | | |
|------------------|------------------------------------|
| A. Ngôi thứ nhất | B. Ngôi thứ ba |
| C. Ngôi thứ hai | D. Cả ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba |

Câu 3. Nhân vật chính trong đoạn trích là ai? (1)

- | | |
|---------------|-------------|
| A. Thạch Sanh | B. Lý Thông |
| C. công chúa | D. nhà vua |

Câu 4. Từ *rộng lượng* trong đoạn trích “Mọi người bấy giờ mới hiểu ra tất cả sự thật. Vua sai bắt giam hai mẹ con Lý Thông lại giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng *rộng lượng* tha thứ cho chúng về quê làm ăn.” có nghĩa là: (7)

- A. giàu lòng thương người, chỉ muốn đem lại những điều tốt lành cho người khác.
- B. dễ tha thứ, dễ cảm thông với những sai lầm, tội lỗi,... của người khác.

- C. giàu lòng thương yêu con người và biết tôn trọng lễ phải.
D. có lòng yêu thương con người, sẵn sàng giúp đỡ khi cần thiết.

Câu 5. Trong đoạn trích, *Thạch Sanh* có những đồ vật kì ảo nào?

- A. đàn thần, bộ cung tên thần B. chiếc búa thần, đàn thần
B. niêu cơm thần, bộ cung tên thần **D. đàn thần, niêu cơm thần**

Câu 6. Vì sao nhân vật Thạch Sanh hấp dẫn người đọc? (5)

- A. Chàng có nhiều phép lạ và nhiều đồ vật thần kì.
B. Chàng được lấy công chúa và được làm vua.
C. Chàng là người hiền hậu, dũng cảm, vị tha.
D. Chàng là người khôi ngô, khỏe mạnh.

Câu 7. Việc Thạch Sanh dùng tiếng đàn để cảm hoá quân mười tám nước chư hầu và thết đãi họ bằng niêu cơm ăn hết lại đầy có ý nghĩa gì? (4)

- A. Cho quân các nước chư hầu thấy được sức mạnh và sự giàu có của nhân dân ta
B. Thể hiện tài năng phi thường của Thạch Sanh, không chỉ khiến quân giặc quy hàng mà còn “tâm phục khẩu phục”
C. Thể hiện ước mơ công lí: những người đi xâm lược nhất định sẽ thất bại
D. Thể hiện tinh thần yêu nước, yêu hoà bình và tấm lòng nhân đạo của nhân dân ta

Câu 8. Chủ đề của truyện *Thạch Sanh* là: (6)

- A. đấu tranh xã hội B. đấu tranh chống xâm lược
C. đấu tranh chống cái ác D. đấu tranh chinh phục thiên nhiên

Câu 9. Em hãy rút ra bài học sau khi đọc đoạn trích trên. (8)

Câu 10. Qua truyện *Thạch Sanh*, theo em mỗi chúng ta cần phải cư xử như thế nào với bạn bè? (8)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Hãy kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của em.

----- Hết -----

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

SỰ TÍCH CON SAM

Ngày xưa ngày xưa, có hai vợ chồng người thuyền chài nghèo khó rất mực thương yêu nhau. Một hôm chồng ra khơi đánh cá, gặp biển động, sóng to gió lớn, không thấy trở về. Người vợ ở nhà mong đợi không được tin gì, nghĩ chồng đã chôn mình vào bụng cá, thương khóc thảm thiết, muốn đâm đầu xuống biển chết theo, để được gặp lại chồng ở thế giới bên kia. Trong lúc đau thương, người vợ bỗng nằm mơ thấy một vị thần hiện ra bảo:

- Ta là Ngư thần, thấy chị chung tình với chồng như thế nên thương tình đến mách bảo là chồng chị hiện đương còn sống. Ta cho chị viên ngọc này để vượt biển mà gặp chồng. Nhưng hãy nhớ kỹ là khi ngậm viên ngọc vào miệng để bay thì phải nhắm mắt lại và đừng để rơi viên ngọc không thì sẽ nguy đến tính mạng.

Chị vợ tỉnh dậy, thấy viên ngọc sáng trong tay, còn vị thần đã biến mất. Đợi đến sáng, chị vợ thử bỏ viên ngọc vào miệng, rồi nhắm mắt lại thì bỗng nhiên gió thổi ù ù, rồi cả người nhấc bổng lên không mà bay đi. Đến khi gió lặng, chị vợ mở mắt ra thì thấy mình trên một bãi cát ở hòn đảo giữa biển và trước mặt là chồng mình. Người chồng đã bị bão làm đắm thuyền trôi dạt đến đây. Hai vợ chồng bắt gặp lại nhau, hết sức mừng rỡ, kể lại mọi việc từ khi xa cách, rồi bàn định cùng nhau trở về.

Người chồng ôm ngang bụng vợ, chị vợ bỏ ngọc vào miệng rồi bay qua biển. Giữa đường, anh chồng vui sướng được trở về, hỏi chuyện vợ. Chị vợ mở miệng trả lời, viên ngọc rơi xuống biển, cả hai vợ chồng ôm nhau chìm theo, chết hóa thành đôi sam.

Giống sam không bao giờ rời nhau và mỗi khi nước rút, người ta thường thấy sam đực ôm lấy sam cái như hai vợ chồng người thuyền chài đã ôm nhau bay qua biển ngày xưa.

(Nguyễn Đồng Chi, *Sự tích con sam*, trích **Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam**)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. “Sự tích con sam” thuộc thể loại truyện dân gian nào? (1)

A. Truyện cổ tích

B. Truyện truyền thuyết

C. Truyện ngụ ngôn

D. Truyện thần thoại

Câu 2. Câu chuyện trong tác phẩm được kể theo ngôi thứ mấy? (2)

A. Ngôi thứ nhất.

B. Ngôi thứ hai.

C. Ngôi thứ ba.

D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba.

Câu 3. Vì sao vị thần cho người vợ viên ngọc? (4)

A. Vì thần không thích giàu sang, phú quý

B. Vì thần cảm động trước tình cảm của người vợ

C. Vì thần có rất nhiều ngọc ngà , châu báu

D. Vì thần không muốn thấy cảnh khóc lóc

Câu 4. Chủ đề nào sau đây đúng với truyện “Sự tích con Sam”? (5)

A. Ca ngợi tình cảm gia đình đoàn kết, hòa thuận, yêu thương

B. Ca ngợi tình nghĩa vợ chồng trong lúc khó khăn, hoạn nạn

C. Ca ngợi tình nghĩa vợ chồng thủy chung, son sắt trong hoạn nạn

D. Sự gắn bó thủy chung trong tình nghĩa vợ chồng lúc ốm đau

Câu 5: Ý nào nêu đúng tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu: “Giống sam không bao giờ rời nhau và mỗi khi nước rút, người ta thường thấy sam đực ôm lấy sam cái như hai vợ chồng người thuyền chài đã ôm nhau bay qua biển ngày xưa.”? (6)

A. Nhấn mạnh nỗi hoảng hốt, sợ hãi của sam đực

B. Nhấn mạnh nỗi hoảng hốt, sợ hãi của sam cái

C. Nhấn mạnh sự thủy chung của người thuyền chài

D. Nhấn mạnh sự thủy chung, đoàn kết của vợ chồng sam

Câu 6. Chỉ ra trạng ngữ trong câu sau: “Ngày xưa ngày xưa, có hai vợ chồng người thuyền chài nghèo khó rất mực thương yêu nhau.” (3)

A. hai vợ chồng
chài

B. Ngày xưa, ngày xưa

C. thương yêu nhau

D. thuyền

Câu 7: Từ láy “thảm thiết “ trong câu : “Người vợ ở nhà mong đợi không được tin gì, nghĩ chồng đã chôn mình vào bụng cá, thương khóc thảm thiết, muốn đâm đầu xuống biển chết theo, để được gặp lại chồng ở thế giới bên kia” có tác dụng gì?. (7)

- A. Nhân mạnh sự yếu đuối, thiếu nghị lực của người vợ
- B. Nhân mạnh nỗi đau khổ, tình yêu thương chồng của người vợ
- C. Nhân mạnh sự mê tín dị đoan của người vợ
- D. Phê phán suy nghĩ tiêu cực của người vợ

Câu 8. Cụm từ nào sau đây là thành ngữ diễn đạt đúng tình cảm của đôi vợ chồng trong câu chuyện? (8)

- A. Dính như sam
- B. Đoàn kết như sam
- C. Cứng như sam
- D. Sự tích con sam

Câu 9. Hãy nêu tác dụng của yếu tố kì ảo trong đoạn trích sau: “Chị vợ tỉnh dậy, thấy viên ngọc sáng trong tay, còn vị thần đã biến mất. Đợi đến sáng, chị vợ thử bỏ viên ngọc vào miệng, rồi nhắm mắt lại thì bỗng nhiên gió thổi ù ù, rồi cả người nhấc bổng lên không mà bay đi. Đến khi gió lặng, chị vợ mở mắt ra thì thấy mình trên một bãi cát ở hòn đảo giữa biển và trước mặt là chồng mình. Người chồng đã bị bão làm đắm thuyền trôi dạt đến đây. Hai vợ chồng bất ngờ gặp lại nhau, hết sức mừng rỡ, kể lại mọi việc từ khi xa cách, rồi bàn định cùng nhau trở về”.

. (9)

Câu 10. Trình bày cách ứng xử của em nếu chứng kiến hành động “Người vợ ở nhà mong đợi không được tin gì, nghĩ chồng đã chôn mình vào bụng cá, thương khóc thảm thiết, muốn đâm đầu xuống biển chết theo, để được gặp lại chồng ở thế giới bên kia”. (10)

II. Viết (4.0 điểm)

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân em.

----- Hết -----

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

SỰ TÍCH CÂY NGÔ

Năm ấy, trời hạn hán. Cây cối chết khô vì thiếu nước, bản làng xơ xác vì đói khát. Nhiều người phải bỏ bản ra đi tìm nơi ở mới. Ở nhà nọ chỉ có hai mẹ con.

Người mẹ ốm đau liên miên và cậu con trai lên 7 tuổi. Cậu bé tên là Aum, có nước da đen nhẫy và mái tóc vàng hoe. Tuy còn nhỏ nhưng Aum đã trở thành chỗ dựa của mẹ. Hằng ngày, cậu dậy sớm vào rừng kiếm măng, hái nấm, hái quả mang về cho mẹ. Nhưng trời ngày càng hạn hán hơn. Có những lần cậu đi cả ngày mà vẫn không tìm được thứ gì để ăn. Một hôm, vừa đói vừa mệt cậu thiếp đi bên bờ suối. Trong mơ, cậu nhìn thấy một con chim cắp quả gì to bằng bắp tay, phía trên có chùm râu vàng như mái tóc của cậu. Con chim đặt quả lạ vào tay Aum rồi vỗ cánh bay đi. Tỉnh dậy Aum thấy quả lạ vẫn ở trên tay. Ngạc nhiên, Aum lần bóc các lớp vỏ thì thấy phía trong hiện ra những hạt màu vàng nhạt, xếp thành hàng đều tăm tắp. Aum tía một hạt bỏ vào miệng nhai thử thì thấy có vị ngọt, bùi. Mừng quá, Aum cầm quả lạ chạy một mạch về nhà.

Mẹ của cậu vẫn nằm thêm thiếp trên giường. Thương mẹ mấy ngày nay đã đói lả, Aum vội tía những hạt lạ đó mang giã và nấu lên mời mẹ ăn. Người mẹ dần dần tỉnh lại, âu yếm nhìn đứa con hiếu thảo. Còn lại ít hạt, Aum đem gieo vào mảnh đất trước sân nhà. Hằng ngày, cậu ra sức chăm bón cho cây lạ. Nhiều hôm phải đi cả ngày mới tìm được nước uống nhưng Aum vẫn dành một gáo nước để tưới cho cây. Được chăm sóc tốt nên cây lớn rất nhanh, vươn những lá dài xanh mướt. Chẳng bao lâu, cây đã trở hoa, kết quả.

Mùa hạn qua đi, bà con lũ lượt tìm về bản cũ. Aum hái những quả lạ có râu vàng hoe như mái tóc của cậu biếu bà con để làm hạt giống. Quý tấm lòng thơm thảo của Aum, dân bản lấy tên cậu bé đặt tên cho cây có quả lạ đó là cây Aum, hay còn gọi là cây ngô. Nhờ có cây ngô mà từ đó, những người dân Pako không còn lo thiếu đói nữa.

(Truyện cổ tích Việt Nam - Nguồn

truyencotich.vn)

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Truyện *Sự tích cây ngô* thuộc thể loại nào?

- | | |
|-------------------|----------------------|
| A. Truyện cổ tích | B. Truyện đồng thoại |
| C. Truyện thuyết | D. Thần thoại |

Câu 2. Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy?

- | | |
|------------------|------------------------------------|
| A. Ngôi thứ nhất | B. Ngôi thứ ba |
| C. Ngôi thứ hai | D. Cả ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba |

Câu 3. Trong câu chuyện, em bé cứu sống được mẹ là nhờ tìm được thầy lang giỏi, theo em đúng hay sai?

- | | |
|---------|--------|
| A. Đúng | B. Sai |
|---------|--------|

Câu 4. Theo em, cây ngô biểu tượng cho điều gì của dân làng Pako?

- A. Biểu tượng cho sự sống và lòng hiếu thảo
- B. Biểu tượng cho sự sống và tình yêu thương
- C. Biểu tượng cho sự sống ấm no của dân làng
- D. Biểu tượng cho sự sống và ước mơ cao đẹp

Câu 5. Vì sao em bé lại đem giống ngô cho mọi người?

- A. Vì em nghĩ mọi người đều thương yêu em
- B. Vì em bé muốn mẹ được khỏe mạnh
- C. Vì em thích loại giống lạ mới thấy lần đầu
- D. Vì em có lòng tốt muốn chia sẻ cho dân làng

Câu 6. Chủ đề nào sau đây **đúng** với truyện *Sự tích cây ngô*?

- A. Ca ngợi ý nghĩa của loài cây
- B. Ca ngợi lòng hiếu thảo
- C. Ca ngợi tình cảm gia đình
- D. Ca ngợi tình mẫu tử

Câu 7. Trong câu văn “Mùa hạn qua đi, bà con **lũ lượt** tìm về bản cũ.”, từ **lũ lượt** là từ gì?

- A. Từ láy
- B. Từ nhiều nghĩa
- C. Từ ghép
- D. Từ đồng âm

Câu 8. “**Hằng** ngày, cậu dậy sớm vào rừng kiếm măng, hái nấm, hái quả mang về cho mẹ.” Từ in đậm trong câu văn thuộc loại trạng ngữ nào?

- A. Trạng ngữ chỉ thời gian
- B. Trạng ngữ chỉ mục đích
- C. Trạng ngữ chỉ nơi chốn
- D. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân

Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc câu chuyện trên.

Câu 10. Qua câu chuyện, em thấy mình cần phải có trách nhiệm gì với cha mẹ và cộng đồng?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Hãy kể lại một truyện truyền thuyết bằng lời văn của em.

----- Hết -----

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Câu chuyện quả bầu

Ngày xưa ngày xưa, có hai vợ chồng đi rừng, bắt được một con dúi. Dúi lay van xin tha, hứa sẽ nói một điều bí mật. Hai vợ chồng thương tình tha cho. Dúi báo

sắp có mưa to gió lớn làm ngập lụt khắp nơi. Nó khuyên họ lấy khúc gỗ to, khoét rỗng, chuẩn bị thức ăn đầy đủ bảy ngày, bảy đêm, rồi chui vào đó, bịt kín miệng gỗ bằng sáp ong, hết hạn bảy ngày hãy chui ra.

Hai vợ chồng làm theo. Họ còn khuyên bà con trong bản cùng làm nhưng chẳng ai tin. Hai người vừa chuẩn bị xong thì sấm chớp ùng ùng, mây đen ùn ùn kéo đến. Mưa to, gió lớn, nước ngập mênh mông. Muôn loài đều chết chìm trong biển nước. Nhờ sống trong khúc gỗ nổi như thuyền, hai vợ chồng thoát nạn. Ít lâu sau, người vợ sinh ra một quả bầu. Thấy chồng buồn, chị đem bầu cất lên giàn bếp.

Một lần, hai vợ chồng đi làm nương về, nghe thấy tiếng cười đùa trong bếp. Lấy làm lạ, họ lấy quả bầu xuống, áp tai nghe thì thấy có tiếng lao xao. Người vợ lấy que đốt thành cái dùi, rồi nhẹ nhàng dùi quả bầu.

Lạ thay, từ trong quả bầu, những con người bé nhỏ nhảy ra. Người Khơ Mú nhanh nhẩu ra trước, dính than nên hơi đen. Tiếp đến, người Thái, người Mường, người Dao, người Hmông, người Ê-đê, người Ba Na, người Kinh,... lần lượt ra theo. Đó là tổ tiên của các dân tộc anh em trên đất nước ta ngày nay.

(Tiếng Việt lớp 2, bài 1, tuần 30/ trang 98-100- sách Chân trời sáng tạo)

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Truyện *Câu chuyện quả bầu* thuộc thể loại nào? (1)

- A. Truyền thuyết
- B. Truyện đồng thoại
- C. Truyện cổ tích
- D. Thần thoại

Câu 2. Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy? (2)

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ ba
- C. Ngôi thứ hai
- D. Cả ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 3. Trong câu chuyện, hai vợ chồng đã thoát nạn nhờ lời khuyên của con dúi, theo em đúng hay sai? (1)

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 4. Chi tiết “ Dúi lay van xin tha, hứa sẽ nói một điều bí mật” đó là: (1)

- A. sắp có mưa to gió lớn làm ngập lụt một xã
- B. sắp có mưa to gió lớn làm ngập lụt cả làng
- C. sắp có mưa to gió lớn làm ngập lụt một vùng
- D. sắp có mưa to gió lớn làm ngập lụt khắp nơi

Câu 5. Chọn cụm từ thể hiện đúng nhất cho chi tiết “ Dúi báo sắp có mưa to gió lớn làm ngập lụt khắp nơi. Nó khuyên họ lấy khúc gỗ to, khoét rỗng, chuẩn bị thức ăn đầy đủ bảy ngày, bảy đêm, rồi chui vào đó, bịt kín miệng gỗ bằng sáp ong, hết hạn bảy ngày hãy chui ra”? (4)

- A. mang ơn
- B. biết ơn
- C. trả ơn
- D. làm ơn

Câu 6. Trong câu văn “ Lấy làm lạ, họ lấy quả bầu xuống, áp tai nghe thì thấy có tiếng lao xao”, từ *lao xao* có ý nghĩa là: (7)

A. có những âm thanh hoặc tiếng động nhỏ cùng vang lên và nghe không rõ, không đều

B. có những âm thanh hoặc tiếng động nhỏ cùng vang lên và nghe rất rõ, rất đều

C. có nhiều âm thanh hoặc tiếng động nhỏ vang lên xen lẫn vào nhau, nghe rõ và đều

D. có nhiều âm thanh hoặc tiếng động nhỏ vang lên xen lẫn, nghe không rõ, không đều

Câu 7. “**Ít lâu sau**, người vợ sinh ra một quả bầu”. Từ in đậm trong câu văn thuộc loại trạng ngữ nào? (7)

A. Trạng ngữ chỉ mục đích

B. Trạng ngữ chỉ thời gian

C. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân

D. Trạng ngữ chỉ nơi chốn

Câu 8. Chủ đề nào sau đây **đúng** với truyện *Câu chuyện quả bầu*? (6)

A. Giải thích về nguồn gốc tổ tiên các dân tộc anh em trên đất nước ta

B. Giải thích về nguồn gốc tổ tiên của các dân tộc anh em trên thế giới

C. Giải thích về nguồn gốc tổ tiên của dân tộc người Khơ Mú ở đất nước ta

D. Giải thích về nguồn gốc tổ tiên của loài người ở trên đất nước chúng ta

Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Từ câu chuyện trên, em hiểu gì về tinh thần đoàn kết các dân tộc anh em trên đất nước ta? (8)

Câu 10. Bản thân em cần làm gì để phát huy tinh thần ấy? (9)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Hãy kể lại một truyện truyền thuyết bằng lời văn của em.

----- Hết -----

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau:

...Hạt gạo làng ta
Có bão tháng bảy
Có mưa tháng ba
Giọt mồ hôi sa
Những trưa tháng sáu
Nước như ai nấu
Chết cả cá cò
Cua ngoi lên bờ
Mẹ em xuống cấy...

(Trích *Hạt gạo làng ta* - Trần Đăng Khoa, *Góc sân và khoảng trời*, NXB Văn hoá dân tộc, 1999)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Đoạn thơ trên thuộc thể thơ nào? (1)

- A. thơ tự do B. thơ 4 chữ C. thơ tứ tuyệt D. thơ lục bát.

Câu 2. Hai câu thơ *Những trưa tháng sáu / Nước như ai nấu* gieo vần ở cặp tiếng nào?(1)

- A. những - như B. trưa - nước C. sáu - nấu. D. trưa - như.

Câu 3. Đoạn thơ trên được gieo theo nhịp nào sau? (1)

- A. 2/2 B. 3/1 C. 1/3 D. 1/1/1/1.

Câu 4. Hai câu thơ *Nước như ai nấu / Chết cả cá cò* sử dụng biện pháp tu từ nào? (4)

- A. điệp ngữ B. liệt kê C. ẩn dụ D. so sánh

Câu 5. Dòng nào không phải là hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ ở câu 4 (7)

- A. Gợi được sức nóng của nước.
B. Làm nổi bật mức độ khắc nghiệt của thời tiết.
C. Làm nổi bật hoạt động của con cua và người mẹ
D. Gợi ra được nỗi vất vả, cơ cực của người mẹ.

Câu 6. Tại sao nắng nóng như vậy mà người mẹ vẫn phải đi cấy? (6)

- A. làm nông phải đúng thời vụ B. lấy lúc nắng nóng để đón mưa
C. lễ cao công lao người mẹ D. cấy lúc nắng nóng gạo sẽ ngon hơn.

Câu 7. Dòng nào không phải là tác dụng của điệp ngữ và hình ảnh đối lập được sử dụng trong đoạn thơ. (7)

- A. Hạt gạo phải trải qua biết bao thử thách khó khăn của thiên nhiên.
B. Gợi lên mùa hè ở miền quê nóng nực, khí hậu khắc nghiệt.

C. Làm nổi bật được nổi vất vả, cơ cực của người mẹ.

D. Hạt gạo được làm ra bởi những giọt mồ hôi của người lao động cần cù.

Câu 8. Nội dung đoạn thơ trên có ý nghĩa gì? (5)

A. Nổi vất vả của người mẹ nặng vẫn đi làm.

B. Mùa hè miền quê nóng nực, khí hậu khắc nghiệt.

C. Thương các con vật phải sống trong môi trường khắc nghiệt

D. Nhắc chúng ta biết trân quý hạt gạo và nổi vất vả của người mẹ.

Câu 9. Từ đoạn thơ trên, em có suy nghĩ gì khi bụng chén cơm ăn hàng ngày? (8)

Câu 10. Hình ảnh người mẹ trong đoạn thơ gợi cho em suy nghĩ gì về trách nhiệm của người làm con với cha mẹ? (8)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Em hãy viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân mà em nhớ mãi (một chuyến tham quan, một lần mắc lỗi, hay một việc có ý nghĩa...).

----- Hết -----

ĐỀ 13

MA TRẬN ĐỀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HKI

MÔN NGỮ VĂN 6

Thời gian kiểm tra: 90 phút

UBND

TRƯỜNG THCS

NĂM HỌC 2025 - 2026

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện đồng thoại, truyện ngắn	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40

Tổng	15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %	20		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung	60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

T T	Chương / Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhậ n biết	Thôn g hiếu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiếu	Truyện n đồng thoại, truyện ngắn	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ấn tượng chung về văn bản. - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. - Nhận ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu. Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề của văn bản. - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản. Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra. 	3 TN	5TN	2TL	

			- Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản.				
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.				1TL*
Tổng				3 TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

UBND.....
TRƯỜNG THCS

**ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC
KÌ I
NĂM HỌC 2025 - 2026**

Môn: Ngữ văn 6

*Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao
đề)*

Phần I. Đọc-hiểu (6.0 điểm)

Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Gió bắc thổi ào ào qua khu rừng vắng. Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật. Mưa phùn lất phất... Bên gốc đa, một chú Thỏ bước ra, tay cầm một tấm vải dệt bằng rong. Thỏ tìm cách quấn tấm vải lên người cho đỡ rét, nhưng tấm vải bị gió lật tung, bay đi vun vút. Thỏ đuổi theo. Tấm vải rơi tròng trành trên ao nước. Thỏ vừa đặt chân xuống nước đã vội co lên. Thỏ cố khều nhưng đưa chân không tới. Một chú Nhím vừa đi đến. Thỏ thấy Nhím liền nói:

- Tôi đánh rơi tấm vải khoác!

- Thế thì gay go đấy! Trời rét, không có áo khoác thì chịu sao được.

Nhím nhặt chiếc que khều... Tấm vải dạt vào bờ, Nhím nhặt lên, giữ nước, quấn lên người Thỏ:

- Phải may thành một chiếc áo, có thể mới kín được.
- Tôi đã hỏi rồi. Ở đây chẳng có ai may vá gì được.

Nhím ra dáng nghĩ:

- Ủ! Muốn may áo phải có kim. Tôi thiếu gì kim.

Nói xong, Nhím xù lông. Quả nhiên vô số những chiếc kim trên mình Nhím dựng lên nhọn hoắt. Nhím rút một chiếc lông nhọn, cởi tấm vải trên mình Thỏ để may.

(Trích “Những chiếc áo ấm”, Võ Quảng)

Hãy chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng để trả lời cho các câu hỏi từ câu 1 đến câu 8. (Mỗi câu đúng được 0.5 điểm).

Câu 1: Thể loại của đoạn trích trên là:

- A. truyện cổ tích
- C. truyện đồng thoại
- C. truyện truyền thuyết
- D. truyện ngắn

Câu 2: Đoạn trích trên được kể bằng lời của ai?

- A. lời của người kể chuyện
- B. lời của nhân vật Nhím
- C. lời của nhân vật Thỏ
- D. lời của Nhím và Thỏ

Câu 3: Nhận xét nào nêu lên đặc điểm của nhân vật trong văn bản trên?

- A. Nhân vật là loài vật, sự vật được nhân cách hóa như con người.
- B. Nhân vật là loài vật, sự vật có liên quan đến lịch sử.
- C. Nhân vật là loài vật, sự vật có những đặc điểm kì lạ.
- D. Nhân vật là loài vật, sự vật gắn bó thân thiết với con người như bạn.

Câu 4: Chi tiết nào miêu tả Nhím và Thỏ khiến em liên tưởng đến đặc điểm của con người?

- A. Thỏ đuổi theo.
- B. Thỏ vừa đặt chân xuống nước đã vội co lên.
- C. Một chú Nhím vừa đi đến.
- D. Nhím rút một chiếc lông nhọn, cởi tấm vải trên mình Thỏ để may.

Câu 5: Em hiểu nghĩa của từ “tròng trành” trong câu “Tấm vải rơi tròng trành trên ao nước.” là gì?

- A. quay tròn, không giữ được thăng bằng.
- B. ở trạng thái nghiêng qua nghiêng lại.
- C. ở trạng thái nghiêng qua nghiêng lại, không giữ được thăng bằng.
- D. ở trạng thái quay tròn, nghiêng qua nghiêng lại.

Câu 6: Thỏ đã gặp sự cố gì trong đoạn trích trên?

- A. Bị ngã khi cố với một chiếc khăn.
- B. Tấm vải của Thỏ bị gió cuốn đi, rơi trên ao nước.
- C. Bị thương khi cố khều tấm vải mắc trên cây.
- D. Đi lạc vào một nơi đáng sợ.

Câu 7: Khi thấy Thỏ bị rơi chiếc áo khoác xuống nước, Nhím đã có hành động gì?

- A. Bỏ đi, mặc kệ Thỏ một mình.
- B. Tiến lại gần và đưa chiếc que cho Thỏ khều tấm vải.

- C. Lấy giúp Thỏ, giữ nước, quần lên người Thỏ.
D. Nhờ một người bạn khác giúp đỡ Thỏ.

Câu 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong lời nhận xét sau để thể hiện đúng nhất thái độ của Nhím đối với Thỏ qua câu nói “*Thế thì gay go đấy! Trời rét, không có áo khoác thì chịu sao được?*”

Nhím..... cho Thỏ.

- A. lo sợ B. lo lắng C. lo âu D. lo ngại

Câu 9 (1.0 điểm): Cho biết nội dung chính của đoạn trích trên?

Câu 10 (1.0 điểm): Từ hành động của các nhân vật trong đoạn trích, em rút ra được những bài học đáng quý nào?

Phần II. Làm văn (4.0 điểm)

Viết bài văn kể lại trải nghiệm một lần em giúp đỡ người khác hoặc nhận được sự giúp đỡ từ những người xung quanh.

ĐỀ 14

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KỲ I MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng g % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Thơ và thơ bát lục	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40

		một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích. (ngoài SGK)									
Tổng điểm			1,5	0,5	2,5	1,5	0	3,0	0	1,0	100
Tỉ lệ %			20		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KỲ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1.	Đọc hiểu	Thơ và thơ lục bát	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ấn tượng chung về văn bản. Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp, thể loại của bài thơ lục bát. - Nhận diện được các yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm trong thơ. - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Nhận ra từ đơn và từ phức; từ đa nghĩa và từ đồng âm; cụm từ, các biện pháp tu từ Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được chủ đề của đoạn thơ. - Hiểu được thông điệp tác giả muốn gửi gắm trong đoạn thơ. - Hiểu được ý nghĩa của từ ngữ trong câu thơ. 	3 TN	5TN	2TL	

			<p>- Xác định được các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Đưa ra được lời khuyên cho các hành động gặp trong đời sống.</p> <p>- Từ tình cảm của nhân vật trữ tình, nêu được bài học cho bản thân.</p>				
2	Viết	Kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích mà em đã đọc (ngoài SGK)	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>Viết được bài văn kể lại một truyền thuyết hoặc cổ tích. Có thể sử dụng ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba, kể bằng ngôn ngữ của mình trên cơ sở tôn trọng cốt truyện của dân gian.</p>				1TL*
Tổng				3 TN 1*	5TN 1*	2 TL 1*	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KỲ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6
Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

*Bao nhiêu khổ nhọc cam go
Đời cha chở nặng chuyển đồ gian nan!
Nhưng chưa một tiếng thở than
Mong cho con khỏe, con ngoan vui rồi.
Cha như biển rộng, mây trời
Bao la nghĩa nặng đời đời con mang!*

(Ngày của Cha- Phan Thanh Tùng)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ lục bát. B. Thơ song thất lục bát. C. Thơ tự do. D. Thơ sáu chữ.

Câu 2. Chủ đề của đoạn thơ là gì?

A. Tình cảm gia đình.
B. Tình yêu quê hương đất nước.
C. Tình yêu thiên nhiên.
D. Tình phụ tử.

Câu 3. Dòng nào sau đây nói **đúng** về cấu trúc thơ lục bát?

A. Thể thơ lục bát là thể thơ của dân tộc Việt Nam đã có mặt từ lâu đời.

B. Thể thơ dân gian gồm nhiều cặp câu thơ kết lại tạo nên một bài thơ hoàn chỉnh.

C. Thể thơ gồm một câu lục xen một câu bát, kết thúc ở câu bát, không hạn định số câu.

D. Thể thơ lục bát được tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau.

Câu 4. Câu thơ sau “*Cha như biển rộng, mây trời*”, sử dụng biện pháp nghệ thuật so sánh đúng hay sai ?

A. Đúng B. Sai

Câu 5. Hai câu thơ sau sử dụng biện pháp tu từ nổi bật nào?

*Bao nhiêu khô nhọc cam go
Đời cha chở nặng chuyển đồ gian nan!*

A. So sánh
Nhân hóa

Câu 6. Từ “*gian nan*” trong câu thơ trên có nghĩa là gì?

A. Gian truân.
khăn, gian khổ.

Câu 7. Đoạn thơ trên gửi đến chúng ta thông điệp gì?

A. Người cha có công lao rất lớn, luôn yêu thương, hi sinh, mong con được sống thật tốt nên người con phải biết kính trọng, yêu quý, báo đáp lại công lao của người cha.

B. Người cha mong muốn con sống tốt, dành hết tình yêu thương cho đứa con của mình, ca ngợi, đề cao tình cảm bao la của người cha dành cho con.

C. Người cha mong con luôn sống ngoan, vui khỏe, sẵn sàng gánh hết những khó khăn cho con, thể hiện tình yêu thương cha-con trong cuộc đời của mỗi người.

D. Người cha luôn quan tâm con, luôn yêu thương và mong con sống tốt, nên người, lên án những người con bất hiếu với cha mình.

Câu 8. Theo tác giả, trong đoạn thơ, người cha “*Bao nhiêu khổ nhọc cam go*”, nhưng chỉ mong điều gì?

- A. Mong cho con khỏe
- B. Mong cho con ngoan
- C. Mong cho con khỏe, con ngoan
- D. Mong cho con tốt

Câu 9. Nếu em có người bạn xem nhẹ tình cảm của cha mẹ, em sẽ khuyên bạn như thế nào?

Câu 10. Từ đoạn thơ trên, em cần làm gì về bản phận làm con của mình để thể hiện tình yêu thương đối với cha mẹ?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Hãy kể lại một truyện cổ tích hoặc truyền thuyết mà em đã đọc hoặc nghe kể (lưu ý: *không sử dụng các truyện có trong SGK Ngữ văn 6 bộ Cánh Diều*).